



**BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU THI TUYỂN CÔNG CHỨC  
CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số: 2116 /QĐ-TCQLTT ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Tổng cục Quản lý thị trường)

TT	Tên đơn vị	Biên chế được giao năm 2021 đối với các đơn vị có nhu cầu thi tuyển công chức	Có mặt đến 01/6/2021	Biên chế chưa sử dụng	Hình thức tuyển dụng		Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký thi tuyển công chức					
					Thi tuyển công chức		Trình độ chuyên môn tối thiểu	Trình độ ngoại ngữ		Trình độ tin học		
					Số biên chế cần tuyển dụng ở từng VTVL			Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT
					Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Kiểm soát viên thị trường						
1	Cục QLTT tỉnh An Giang	121	119	2	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên		Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương		Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	
2	Cục QLTT tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	61	59	2	0	2	Tốt nghiệp Đại học trở lên		Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương		Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	

Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký thi tuyển công chức												
TT	Tên đơn vị	Biên chế được giao năm 2021 đối với các đơn vị có nhu cầu thi tuyển công chức	Số mặt đến 01/6/2021	Biên chế chưa sử dụng	Hình thức tuyển dụng			Trình độ ngoại ngữ		Trình độ tin học		
					Thi tuyển công chức			Trình độ chuyên môn tối thiểu	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT	Đối với vị trí KSVTT
					Số biên chế cần tuyển dụng ở từng VT/VL	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Kiểm soát viên thị trường					
3	Cục QLTT tỉnh Bạc Liêu	45	41	4	1	3	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	
4	Cục QLTT tỉnh Bắc Giang	109	100	9	0	7	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	
5	Cục QLTT tỉnh Bắc Kạn	45	40	5	0	5	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	

Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký thi tuyển công chức		Hình thức tuyển dụng		Trình độ ngoại ngữ		Trình độ tin học							
								Thi tuyển công chức		Trình độ ngoại ngữ		Trình độ tin học	
								Số biên chế cần tuyển dụng ở từng VT/VL	Trình độ chuyên môn tối thiểu	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT
TT	Tên đơn vị	Biên chế được giao năm 2021 đối với các đơn vị có nhu cầu thi tuyển công chức	Có mặt đến 01/6/2021	Biên chế chưa sử dụng	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Kiểm soát viên thị trường	Trình độ chuyên môn tối thiểu	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học				
6	Cục QLTT tỉnh Bắc Ninh	67	65	2	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương				
7	Cục QLTT tỉnh Bến Tre	52	51	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương				
8	Cục QLTT tỉnh Bình Dương	75	69	6	2	4	Tốt nghiệp đại học trở lên	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ				

TT	Tên đơn vị	Biên chế được giao năm 2021 đối với các đơn vị có nhu cầu thi tuyển công chức	Có mặt đến 01/6/2021	Biên chế chưa sử dụng	Hình thức tuyển dụng		Trình độ chuyên môn tối thiểu	Trình độ ngoại ngữ		Trình độ tin học					
					Thi tuyển công chức	Số biên chế cần tuyển dụng ở từng VT/VL		Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Kiểm soát viên thị trường	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSV/TT	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSV/TT		
														0	3
9	Cục QLTT tỉnh Bình Định	70	65	5	0	3	Tốt nghiệp đại học trở lên	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSV/TT	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSV/TT				
10	Cục QLTT tỉnh Bình Phước	55	49	6	6	0	Tốt nghiệp đại học trở lên	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSV/TT	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSV/TT				
11	Cục QLTT tỉnh Cao Bằng	70	68	2	0	2	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSV/TT	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSV/TT				

TT		Hình thức tuyển dụng		Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký thi tuyển công chức		Trình độ ngoại ngữ		Trình độ tin học	
		Thi tuyển công chức							
		Số biên chế cần tuyển dụng ở từng VTVL	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp						
		Biên chế được giao năm 2021 đối với các đơn vị có nhu cầu thi tuyển công chức	Có mặt đến 01/6/2021	Biên chế chưa sử dụng	Trình độ chuyên môn tối thiểu	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT
12	Cục QLTT thành phố Cần Thơ	51	47	4	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương
13	Cục QLTT thành phố Đà Nẵng	72	68	4	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương
14	Cục QLTT tỉnh Đắk Lắk	71	67	4	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương

Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký thi tuyển công chức													
TT	Tên đơn vị	Biên chế được giao năm 2021 đối với các đơn vị có nhu cầu thi tuyển công chức	Có mặt đến 01/6/2021	Biên chế chưa sử dụng	Hình thức tuyển dụng		Trình độ chuyên môn tối thiểu	Trình độ ngoại ngữ		Trình độ tin học			
					Thi tuyển công chức	Số biên chế cần tuyển dụng ở từng VTVL		Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Kiểm soát viên thị trường		Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT	Đối với vị trí KSVTT
15	Cục QLTT tỉnh Đắk Nông	38	37	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương
16	Cục QLTT tỉnh Điện Biên	56	54	2	0	1	Tốt nghiệp đại học trở lên	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương
17	Cục QLTT tỉnh Đồng Nai	127	125	2	0	1	Tốt nghiệp đại học trở lên	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương

TT		Tên đơn vị		Biên chế được giao năm 2021 đối với các đơn vị có nhu cầu thi tuyển công chức	Có mặt đến 01/6/2021	Biên chế chưa sử dụng	Hình thức tuyển dụng		Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký thi tuyển công chức			
							Thi tuyển công chức	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ ngoại ngữ		Trình độ tin học	
												Số biên chế cần tuyển dụng ở từng VT/VL
18	Cục QLTT tỉnh Đồng Tháp	57	56	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT	Đối với vị trí KSVTT	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương
19	Cục QLTT tỉnh Gia Lai	88	80	8	1	7	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT	Đối với vị trí KSVTT	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ
20	Cục QLTT tỉnh Hà Giang	88	87	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT	Đối với vị trí KSVTT	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương

TT	Tên đơn vị	Biên chế được giao năm 2021 đối với các đơn vị có nhu cầu thi tuyển công chức	Có mặt đến 01/6/2021	Biên chế chưa sử dụng	Hình thức tuyển dụng		Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký thi tuyển công chức					
					Thi tuyển công chức		Trình độ chuyên môn tối thiểu	Trình độ ngoại ngữ		Trình độ tin học		
					Số biên chế cần tuyển dụng ở từng VTVL			Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT
					Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Kiểm soát viên thị trường						
21	Cục QLTT tỉnh Hà Nam	64	62	2	0	2	Tốt nghiệp Đại học trở lên		Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương		Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	
22	Cục QLTT thành phố Hà Nội	487	459	28	3	20	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	
23	Cục QLTT tỉnh Hà Tĩnh	60	52	8	0	8	Tốt nghiệp Đại học trở lên		Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương		Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	



TT	Tên đơn vị	Biên chế được giao năm 2021 đối với các đơn vị có nhu cầu thi tuyển công chức	Có mặt đến 01/6/2021	Biên chế chưa sử dụng	Hình thức tuyển dụng		Trình độ chuyên môn tối thiểu	Trình độ ngoại ngữ		Trình độ tin học			
					Thi tuyển công chức			Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT	Đối với vị trí KSVTT	
					Số biên chế cần tuyển dụng ở từng VT/VL	Kiểm soát viên thị trường							
24	Cục QLTT tỉnh Hải Dương	53	49	4	0	3	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT	
25	Cục QLTT tỉnh Hậu Giang	40	36	4	0	4	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT	
26	Cục QLTT tỉnh Hòa Bình	70	68	2	1	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT

TT	Tên đơn vị	Biên chế được giao năm 2021 đối với các đơn vị có nhu cầu thi tuyển công chức	Có mặt đến 01/6/2021	Biên chế chưa sử dụng	Hình thức tuyển dụng		Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký thi tuyển công chức				
					Thi tuyển công chức		Trình độ chuyên môn tối thiểu	Trình độ ngoại ngữ		Trình độ tin học	
					Số biên chế cần tuyển dụng ở từng VTVL			Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT
					Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Kiểm soát viên thị trường					
27	Cục QLTT tỉnh Hưng Yên	55	51	4	0	4	Tốt nghiệp Đại học trở lên		Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương		Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương
28	Cục QLTT tỉnh Kiên Giang	88	87	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên		Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương		Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương
29	Cục QLTT tỉnh Khánh Hòa	57	53	4	0	4	Tốt nghiệp đại học trở lên		Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương		Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương

TT	Tên đơn vị	Biên chế được giao năm 2021 đối với các đơn vị có nhu cầu thi tuyển công chức	Có mặt đến 01/6/2021	Biên chế chưa sử dụng	Hình thức tuyển dụng		Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký thi tuyển công chức					
					Thi tuyển công chức		Trình độ chuyên môn tối thiểu	Trình độ ngoại ngữ		Trình độ tin học		
					Số biên chế cần tuyển dụng ở từng VTVL			Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT
					Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Kiểm soát viên thị trường						
30	Cục QLTT tỉnh Lai Châu	41	37	4	0	4	Tốt nghiệp Đại học trở lên		Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương		Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	
31	Cục QLTT tỉnh Lạng Sơn	108	105	3	2	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	
32	Cục QLTT tỉnh Lâm Đồng	46	44	2	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên		Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương		Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	

TT	Tên đơn vị	Biên chế được giao năm 2021 đối với các đơn vị có nhu cầu thi tuyển công chức	Có mặt đến 01/6/2021	Biên chế chưa sử dụng	Hình thức tuyển dụng		Trình độ chuyên môn tối thiểu	Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký thi tuyển công chức				
					Thi tuyển công chức			Trình độ ngoại ngữ		Trình độ tin học		
					Số biên chế cần tuyển dụng ở từng VTVL	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp		Kiểm soát viên thị trường	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSV/TT	Đối với vị trí KSV/TT	
33	Cục QLTT tỉnh Long An	86	84	2	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSV/TT	Đối với vị trí KSV/TT	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương
34	Cục QLTT tỉnh Nam Định	66	61	5	1	4	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSV/TT	Đối với vị trí KSV/TT	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương
35	Cục QLTT tỉnh Ninh Bình	59	55	4	2	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSV/TT	Đối với vị trí KSV/TT	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ

TT	Tên đơn vị	Biên chế được giao năm 2021 đối với các đơn vị có nhu cầu thi tuyển công chức	Có mặt đến 01/6/2021	Biên chế chưa sử dụng	Hình thức tuyển dụng		Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký thi tuyển công chức				
					Thi tuyển công chức		Trình độ chuyên môn tối thiểu	Trình độ ngoại ngữ		Trình độ tin học	
					Số biên chế cần tuyển dụng ở từng VTVL			Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT
					Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Kiểm soát viên thị trường					
36	Cục QLTT tỉnh Ninh Thuận	38	35	3	3	0	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ		Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	
37	Cục QLTT tỉnh Nghệ An	100	96	4	0	3	Tốt nghiệp Đại học trở lên		Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương		Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương
38	Cục QLTT tỉnh Phú Thọ	82	79	3	1	2	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương

TT	Tên đơn vị	Biên chế được giao năm 2021 đối với các đơn vị có nhu cầu thi tuyển công chức	Có mặt đến 01/6/2021	Biên chế chưa sử dụng	Hình thức tuyển dụng			Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký thi tuyển công chức				
					Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Số biên chế cần tuyển dụng ở từng VTVL	Trình độ ngoại ngữ		Trình độ tin học			
							Kiểm soát viên thị trường	Trình độ chuyên môn tối thiểu	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT	Đối với vị trí KSVTT
39	Cục QLTT tỉnh Phú Yên	58	52	6	0	6	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT	Đối với vị trí KSVTT	
40	Cục QLTT tỉnh Quảng Bình	55	51	4	1	3	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	
41	Cục QLTT tỉnh Quảng Nam	82	78	4	0	4	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	

TT	Tên đơn vị	Biên chế được giao năm 2021 đối với các đơn vị có nhu cầu thi tuyển công chức	Có mặt đến 01/6/2021	Biên chế chưa sử dụng	Hình thức tuyển dụng		Trình độ chuyên môn tối thiểu	Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký thi tuyển công chức			
					Thi tuyển công chức			Trình độ ngoại ngữ		Trình độ tin học	
					Số biên chế cần tuyển dụng ở từng VTVL	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp		Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT	Đối với vị trí KSVTT	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp
42	Cục QLTT tỉnh Quảng Ninh	120	115	5	1	3	Trình độ Đại học trở lên	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương
43	Cục QLTT tỉnh Quảng Ngãi	52	50	2	0	2	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương
44	Cục QLTT tỉnh Quảng Trị	50	43	7	1	0	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương

TT	Tên đơn vị	Biên chế được giao năm 2021 đối với các đơn vị có nhu cầu thi tuyển công chức	Có mặt đến 01/6/2021	Biên chế chưa sử dụng	Hình thức tuyển dụng		Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký thi tuyển công chức					
					Thi tuyển công chức		Trình độ chuyên môn tối thiểu	Trình độ ngoại ngữ		Trình độ tin học		
					Số biên chế cần tuyển dụng ở từng VTVL			Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT
					Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Kiểm soát viên thị trường						
45	Cục QLTT tỉnh Sóc Trăng	40	39	1	1	0	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ		Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ		
46	Cục QLTT TP. HCM	450	440	10	3	4	Tốt nghiệp đại học trở lên	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	
47	Cục QLTT tỉnh Thái Bình	65	63	2	0	2	Tốt nghiệp đại học trở lên		Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương		Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	



TT	Tên đơn vị	Biên chế được giao năm 2021 đối với các đơn vị có nhu cầu thi tuyển công chức	Có mặt đến 01/6/2021	Biên chế chưa sử dụng	Hình thức tuyển dụng			Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký thi tuyển công chức				
					Thi tuyển công chức			Trình độ ngoại ngữ		Trình độ tin học		
					Số biên chế cần tuyển dụng ở từng VTVL	Kiểm soát viên thị trường		Trình độ chuyên môn tối thiểu	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT	Đối với vị trí KSVTT
						Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	1					
48	Cục QLTT tỉnh Thái Nguyên	93	91	2	0	1	1	Tốt nghiệp đại học trở lên	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương
49	Cục QLTT tỉnh Thanh Hóa	160	153	7	0	7	0	Tốt nghiệp đại học trở lên	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương
50	Cục QLTT tỉnh Thừa Thiên Huế	68	64	4	2	0	0	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ

TT	Tên đơn vị	Biên chế được giao năm 2021 đối với các đơn vị có nhu cầu thi tuyển công chức	Có mặt đến 01/6/2021	Biên chế chưa sử dụng	Hình thức tuyển dụng		Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký thi tuyển công chức					
					Thi tuyển công chức		Trình độ chuyên môn tối thiểu	Trình độ ngoại ngữ		Trình độ tin học		
					Số biên chế cần tuyển dụng ở từng VTVL			Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT	Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Đối với vị trí KSVTT
					Chuyên viên Công nghệ thông tin, kế toán, tổng hợp	Kiểm soát viên thị trường						
51	Cục QLTT tỉnh Trà Vinh	45	44	1	0	1	Tốt nghiệp Đại học trở lên		Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương		Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	
52	Cục QLTT tỉnh Vĩnh Phúc	45	38	7	1	6	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	
53	Cục QLTT tỉnh Yên Bái	80	77	3	1	2	Tốt nghiệp Đại học trở lên	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	Theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ	Theo quy định tại Thông tư số 09/2018/TT-BCT ngày 23/5/2018 của Bộ Công Thương	
	<b>Tổng</b>	<b>4,481</b>	<b>4,258</b>	<b>223</b>	<b>38</b>	<b>154</b>						